

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2022.

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**
hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Trước**

2. Ông **Lê Minh Toàn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tuyết Em - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Ngọc T**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1993 (vắng)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2019 qua quen biết tìm hiểu nhau chị và anh Trần Minh T đã tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian sau ngày cưới vợ

chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác và không chí thú làm ăn để chăm lo cho gia đình. Bản thân chị đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục xây dựng gia đình nhưng vẫn không được, chị và anh T không còn sống chung từ tháng 4/2021 đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2019 và Trần Anh T, sinh ngày 04/6/2021 hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung. Chị yêu cầu anh T cấp nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Chi phí nuôi con: mỗi tháng mỗi cháu chi tiêu khoảng 2.040.000 đồng gồm tiền sữa 1.200.000 đồng, tiền tã 240.000 đồng, tiền ăn 600.000 đồng. Chị có đủ điều kiện nuôi con như có công việc ổn định thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng, ngoài ra có cha mẹ ruột phụ giúp chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Trần Minh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Trương Ngọc T trình bày: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T; về con chung: chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2019 và Trần Anh T, sinh ngày 04/6/2021; về cấp dưỡng nuôi con: chị thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 02 con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

- Bị đơn Trần Minh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Ngọc T ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung: Giao 02 con là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2019 và Trần Anh T, sinh ngày 04/6/2021 cho chị T được quyền nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị T. Buộc anh Trần Minh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2019 số tiền 745.000 đồng/01 tháng và Trần Anh T, sinh ngày 04/6/2021 số tiền 745.000 đồng/01 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Trương Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Trần Minh T nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trương Ngọc T khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn Trần Minh T có địa chỉ tại xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trần Minh T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Ngọc T và anh Trần Minh T kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bất phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh T không chăm lo cho gia đình. Bản thân chị T đã nhiều lần khuyên nhủ anh T thay đổi để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 4/2021 đến nay. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh T và chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Xét thấy, từ năm tháng 4/2021 cho đến nay chị T và anh T không còn sống chung với nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên anh T cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhưng anh vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Từ đó cho thấy, anh T không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với chị T, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình.

Mặt khác, ngày 06/6/2022 Tòa án có đến xác minh tại địa phương ấp A, xã P, huyện Long Hồ được cung cấp thông tin như sau: anh Trần Minh T và chị Trương Ngọc T là vợ chồng sống tại địa phương ấp A, xã P. Theo địa phương được biết thì anh T và chị T phát sinh mâu thuẫn khoảng đầu năm 2021, anh T và chị T có cự cãi nhau nên chị T về nhà cha mẹ ruột ở huyện Tam Bình sống từ đó cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì không rõ.

Vì vậy, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2019 và Trần Anh T, sinh ngày 04/6/2021 hiện do chị T nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, hai cháu Trần Thị Thanh T và Trần Anh T hiện dưới 36 tháng tuổi và chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu T và cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2019 và Trần Anh T, sinh ngày 04/6/2021 mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng/con đến khi hai con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó, chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

Về mức cấp dưỡng: chị T trình bày mỗi tháng chi phí nuôi mỗi người con khoảng 2.040.000 đồng gồm tiền sữa 1.200.000 đồng, tiền tã 240.000 đồng, tiền ăn 600.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T, đồng thời cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh về mức thu nhập thực tế của anh. Do đó, xét mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/01 người con là không cao, phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T buộc anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/1 người con.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu giải quyết và bị đơn anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và buộc anh T nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Ngọc T được ly hôn với anh Trần Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2019 và Trần Anh T, sinh ngày 04/6/2021 cho chị Trương Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom 02 con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2019 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và Trần Anh T, sinh ngày 04/6/2021 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu pháp luật cho đến khi cháu Trần Thị Thanh T và Trần Anh T đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

Buộc chị Trương Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003592 ngày 10/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên chị T không phải nộp thêm.

Buộc anh Trần Minh T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ánh Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Ánh Tuyết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Quới;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ánh Tuyết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Quới;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ánh Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Ánh Tuyết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
- THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Ánh Tuyết